TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:14/2023/DS-ST
Ngày 06- 4- 2023
"*V/v Tranh chấp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1979 và bà Dư Thanh N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Vào ngày 05/12/2016 vợ chồng ông H bà N có tổ chức làm chủ hụi dây hụi tháng một tháng xổ hụi một lần có 30 người tham gia bà Đ có tham gia 01 chân hụi với mức đóng 1.000.000 đồng/01 chân hụi/tháng. Bà Đ đóng hụi đến mãn hụi nhưng khi giao tiền hụi ông H bà N còn nợ lại bà số tiền 10.000.000 đồng.

Vào ngày 20/01/2018 bà Đ tiếp tục tham gia dây hụi do vợ chồng ông H bà N có

tổ chức làm chủ hụi, dây hụi tháng một tháng xổ hụi một lần có 30 người tham gia, bà Đ có tham gia 02 chân hụi với mức đóng 1.000.000 đồng/01 chân hụi/tháng. Sau khi đóng được 24 lần hụi với số tiền 48.000.000 đồng thì ông H bà N tuyên bố dừng hụi và trừ tiền cò 2.000.000 đồng còn nợ bà Đ số tiền 46.000.000 đồng. Trong dây hụi này bà Đ có mua của ông H bà N 02 chân hụi và ông H bà N còn nợ lại số tiền 48.400.000 đồng.

Vào ngày 12/5/2018 bà Đ tiếp tục tham gia dây hụi tháng do vợ chồng ông H bà Ntổ chức làm chủ hụi, dây hụi tháng một tháng xổ hụi một lần có 30 người tham gia bà Đ có tham gia 01 chân hụi với mức đóng 2.000.000 đồng/01 chân hụi, bà Đ đóng được 20 lần hụi với số tiền 40.000.000 đồng thì ông H bà Ntuyên bố dừng hụi và trừ tiền cò 1.000.000 đồng còn nợ bà Đ số tiền 39.000.000 đồng.

Vào ngày 10/02/2019 bà Đ tiếp tục tham gia dây hụi tháng do vợ chồng ông H bà N tổ chức làm chủ hụi, dây hụi tháng một tháng xổ hụi một lần có 30 người tham gia bà Đ có tham gia 01 chân hụi với mức đóng 2.000.000 đồng/01 chân hụi, bà Đ đóng được 12 lần hụi với số tiền 24.000.000 đồng thì ông H bà N tuyên bố dừng hụi và trừ tiền cò 1.000.000 đồng còn nợ bà Đ số tiền 23.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi vợ chồng ông H và bà Ncó trách nhiệm trả cho bà Đ là 268.960.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Đ yêu cầu ông H bà N trả số tiền hụi còn nợ 268.960.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Trần Thị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H bà N trả số tiền hụi 240.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Lê Minh H và bà Dư Thanh N có ý kiến trình bày như sau:

Từ năm 2016 đến năm 2018 ông H và bà N có tổ chức làm chủ hụi có bà Đ tham gia nhiều dây hụi do ông H bà N làm chủ hụi. Trong thời gian làm chủ hụi do các hụi viên tham gia dây hụi không đóng hụi nên các dây hụi do bà Đ tham gia đều bị bể hụi không tổ chức dây hụi nữa. Nay ông H bà N thừa nhận có trách nhiệm trả cho bà Đsố tiền 240.000.000 đồng và xin trả dần cho bà Đ số tiền trên một tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Bà Đ và ông H, bà N cùng thống nhất xác nhận bà Đ có chơi hụi do ông H bà N làm chủ hụi. Cho đến nay ông H và bà N có trách nhiệm trả cho bà Đ 240.000.000 đồng tiền hụi. Các đương sự cùng xác nhận việc chơi hụi không có sổ sách ghi chép chung nhưng khi chốt tiền hụi các bên có làm biên nhận nhận tiền chốt nợ hụi.

Không thống nhất: Các đương sự không thống nhất được phương án trả nợ, bà Đ yêu cầu ông H và bà N trả nợ mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 240.000.000.000 đồng, còn ông H và bà N xin trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 tờ giấy tập học sinh ghi số tiền hụi ông H và bà N nợ bà Đ có chữ ký của ông Lê Minh H.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hụi".

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông H và bà N phải hoàn trả số tiền hụi là 240.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại phiên tòa các bị đơn đều vắng mặt mặc dù đã được tống đạt triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo xác nhận của bà Đ và vợ chồng ông H, bà N thì từ năm 2016 đến năm 2018 bà Đ có tham gia nhiều dây hụi tháng do ông H và bà N làm chủ hụi. Các đương sự thống nhất với nhau về thời gian áp hụi, giá trị từng phần hụi trong từng dây hụi, số phần hụi và số tiền bà Đ tham gia góp hụi. Tại Tòa án các đương sự đã thống nhất về số tiền nợ hụi mà vợ chồng ông H và bà N có trách nhiệm phải trả cho bà Đ là 240.000.000 đồng. Ngoài sự thống nhất về số nợ, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn còn cung cấpchứng cứ là giấy xác nhận nợ tiền hụi được các bị đơn thừa nhận. Như vậy có cơ sở để xác định vợ chồng ông H và bà N có nợ tiền hụi của bà Đ là sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ.

Do ông H và bà N vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi không thanh toán số tiền nợ hụi cho hụi viên nên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 18 và Điều 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường cần buộc ông H bà N phải trả cho bà Đ số tiền hụi 240.000.000 đồng.

Ông H bà N đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà Đ đồng ý do đó không có cơ sở để chấp nhận đề nghị trả nợ dần của các bị đơn.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: 240.000.000 đồng x 5% = 12.000.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc các bị đơn nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 18, Điều 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

Buộc ông Lê Minh H và bà Dư Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ hụi là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Trần Thị Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Lê Minh H và bà Dư Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Bà Trần Thị Đ đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi thụ lý hồ sơ vụ án do thuộc trường hợp người cao tuổi nên không xem xét việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

3. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 06/4/2023. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm